TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2023/DS-ST
Ngày 30 – 8 – 2023
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Mỹ Xuân.

2. Ông Nguyễn Văn Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 và 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị T, sinh năm 1963; địa chỉ: Khóm V, Phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Huỳnh Thị T1; địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Trà Văn H; địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày và yêu cầu như sau:

Vào năm 2019 âm lịch, bà Lê Thị T làm chủ hụi, đứng ra kêu hụi thì có nhiều người tham gia, trong đó có bà Huỳnh Thị T1. Bà T1 tham gia ở các dây hụi cụ thể như sau:

- Dây thứ nhất: Hụi mùa 5.000.000 đồng, mở ngày 19-6-2019 âm lịch, mỗi năm khui 02 lần theo vụ lúa vào tháng 6 và tháng 02, có 12 phần, bà T1 tham gia

01 phần. Ở dây hụi này, bà T1 đóng hụi sống đến lần thứ hai và hốt ở lần khui thứ ba, với số tiền hốt hụi là 30.900.000 đồng. Bà T đã giao đủ tiền hụi cho bà T1 nhưng sau đó bà T1 chỉ đóng hụi chết đến lần thứ năm và lần thứ sáu trở đi thì bà T1 không chịu đóng hụi chết. Trong khi đó, dây hụi này đã khui đến lần thứ tám nên bà T1 còn nợ 02 lần hụi chết là 10.000.000 đồng.

- Dây thứ hai: Hụi mùa 5.000.000 đồng, mở ngày 19-6-2020 âm lịch, mỗi năm khui 02 lần theo vụ lúa vào tháng 6 và tháng 02, có 12 phần, bà T1 tham gia 01 phần. Ở dây hụi này, bà T1 đóng hụi sống đến lần thứ ba và hốt ở lần khui thứ tư, với số tiền hốt hụi là 31.700.000 đồng. Bà T đã giao đủ tiền hụi cho bà T1 nhưng sau đó bà T1 không đóng hụi chết. Trong khi đó, dây hụi này đã khui đến lần thứ sáu nên bà T1 còn nợ 02 lần hụi chết là 10.000.000 đồng.

Nay bà Lê Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Huỳnh Thị T1 và ông Trà Văn H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị T số tiền hụi còn nợ là 20.000.000 đồng.

Ý kiến của bị đơn Huỳnh Thị T1:

Bà Huỳnh Thị T1 thống nhất theo nội dung trình bày trong đơn khởi kiện của bà Lê Thị T và thống nhất việc bà T1 còn nợ bà T số tiền hụi chết ở 02 dây hụi mùa theo như bà T trình bày là mỗi dây 10.000.000 đồng, tổng cộng là 20.000.000 đồng là sự thật. Đối với việc bà tham gia hụi thì chồng của bà là ông Trà Văn H có biết và thống nhất, số tiền hốt hụi bà dùng để phục vụ sinh hoạt trong gia đình. Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình hiện nay khó khăn nên bà T1 không có khả năng trả được số tiền trên, yêu cầu được trả dần mỗi tháng 400.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trà Văn H:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Trà Văn H. Tuy nhiên, ông H không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có ý kiến phản đối các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn Lê Thị T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Huỳnh Thị T1 và ông Trà Văn H trả số tiền gốc của 02 lần hụi chết của dây hụi mở ngày 19-6-2019 âm lịch là 10.000.000 đồng và 02 lần hụi chết của dây hụi mở ngày 19-6-2020 âm lịch là 10.000.000 đồng. Tổng cộng 20.000.000 đồng. Đối với đề nghị xin được trả dần mỗi tháng 400.000 đồng của bà Huỳnh Thị T1 thì tại phiên tòa do bà T1 vắng mặt nên bà T không đồng ý.

Bị đơn Huỳnh Thị T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trà Văn H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ và chấp hành đúng pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu đòi lại tiền nợ hụi đối với bị đơn đang cư trú tại thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*" là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Huỳnh Thị T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trà Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà T1 và ông H theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi đối với số tiền hụi chết đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, tại Biên bản lấy lời khai ngày 25-7-2023, bị đơn bà Huỳnh Thị T1 thừa nhận có tham gia hụi, đã hốt hụi và còn nợ chủ hụi là bà Lê Thị T số tiền hụi chết tính tới thời điểm bà T khởi kiện (ngày 18-4-2023) là 20.000.000 đồng. Cụ thể, ở dây hụi mở ngày 19-6-2019 âm lịch còn thiếu 02 lần hụi chết với số tiền 10.000.000 đồng và ở dây hụi mở ngày 19-6-2020 âm lịch còn thiếu 02 lần hụi chết với số tiền 10.000.000 đồng. Do đó, sự việc bà Huỳnh Thị T1 còn nợ tiền hụi chết của bà Lê Thị T tính đến ngày khởi kiện (ngày 18-4-2023) là 20.000.000 đồng là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về nghĩa vụ trả nợ, bà Huỳnh Thị T1 thừa nhận quá trình bà T1 tham gia các dây hụi của bà T thì chồng của bà là ông Trà Văn H đều biết rõ và đồng tình cho bà tham gia. Đồng thời, số tiền hốt hụi được bà cũng sử dụng cho sinh hoạt của gia đình. Từ khi Tòa án thụ lý đến phiên tòa sơ thẩm thì ông H đều vắng mặt. Kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đã được Tòa án thông báo hợp lệ cho ông nhưng ông không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện, không phản đối hay có yêu cầu gì khác đối với các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định đây là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân theo quy định tại Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà Huỳnh Thị T1 và ông Trà Văn H có nghĩa vụ liên đới hoàn trả số tiền hụi chết nêu trên cho bà Lê Thị T theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Huỳnh Thị T1 đồng ý trả nợ nhưng có ý kiến trình bày vì hoàn cảnh kinh tế của gia đình đang khó khăn nên yêu cầu Tòa án giải quyết trả nợ dần cho bà Lê Thị T mỗi tháng 400.000 đồng do đến khi

dứt nợ, nhưng do bà T1 vắng mặt tại phiên tòa nên bà T không đồng ý và các đương sự không thỏa thuận được với nhau. Do đó, yêu cầu của bà T1 về việc trả dần không được chấp nhận. Tuy nhiên, việc trả dần có thể được xem xét nếu các đương sự thỏa thuận với nhau ở giai đoạn thi hành án.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa sơ thẩm về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Huỳnh Thị T1 và ông Trà Văn H có trách nhiệm liên đới trả số tiền hụi 20.000.000 đồng cho bà Lê Thị T là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bà Huỳnh Thị T1 và ông Trà Văn H phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 4 và khoản 1 Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị T đối với yêu cầu tính lãi trên số tiền hụi chết đến ngày xét xử sơ thẩm.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị T.

Buộc bị đơn Huỳnh Thị T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trà Văn H có trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền hụi 20.000.000 đồng cho nguyên đơn Lê Thị T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Huỳnh Thị T1, ông Trà Văn H liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.000.000 đồng.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Lâm